

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 120/2024/HS-ST

Ngày 23-8-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ-TỈNH QUẢNG NAM**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông

Ông Lê Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 111/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Phan Thị Khánh L, tên gọi khác: Ri; sinh ngày 01 tháng 3 năm 1990, tại: Tam K, Quảng N; Nơi thường trú: Khối phố 2, phường An S, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; Chỗ ở: Khối phố Phương Hoà N, phường Hoà Th, TP. Tam K, tỉnh Quảng N; giới tính: nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phan Bá A và bà Hồ Thị T; chồng Nguyễn Phan Anh T; có 01 con sinh năm: 2012;

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: ngày 14-7-2010 bị Công an tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “tổ chức đánh bạc”.

Bị cáo bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 29-01-2024, tạm giam từ ngày 07-02-2024, ngày 25-4-2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” bằng “Bảo lãnh”; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Khánh L: Ông Vũ Minh Thương, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Vũ Minh Thương - Đoàn luật sư tỉnh Quảng N; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hà Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Khối phố Mỹ H, phường An M, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.

2. Bà Võ Thị Vàng A, sinh năm 1992; địa chỉ: Khối phố 5, phường An S, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.

3. Bà Phạm Quỳnh Nh, sinh năm 1996; địa chỉ: Khối phố Mỹ N, phường An M, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
4. Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1989; thường trú: Khối phố Mỹ Thạch T, phường Tân Th, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; chỗ ở hiện nay: Khối phố Mỹ Thạch Tr, phường Hoà Th, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
5. Nguyễn Thị Diệu Ph, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Khương M, xã Tam X, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
6. Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1985; địa chỉ: Khối phố Mỹ Thạch Tr, phường Tân Th, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
7. Bà Bùi Thị Tr, sinh năm 1988; địa chỉ: Khối phố Phương Hoà N, phường Hoà Th, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
8. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1991; địa chỉ: Khối phố Mỹ H, phường An M, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
9. Bà Lê Thị Thuỳ D, sinh năm 1991; địa chỉ: Khối phố Hương S, phường Hoà H, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
10. Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1990; địa chỉ: Khối phố Mỹ Thạch Đ, phường Tân Th, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
11. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Bắc Anh S, xã Quế Th, huyện Quế S, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
12. Ông Vũ Trọng T, sinh năm 199; địa chỉ: Khối phố Hương S, phường Hoà H, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
13. Ông Vũ Trọng Ng; sinh năm 1993; địa chỉ: Khối phố Hương S, phường Hoà H, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
14. Ông Phạm Thương T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Phú B, xã Tam Ph, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
15. Ông Trịnh Văn K sinh năm 1985; địa chỉ: Khối phố Phương Hoà Nam, phường Hoà Th , thành phố Tam K , tỉnh Quảng N ; vắng mặt.
16. Ông Trần Huy Ph , sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Long Thạnh, xã Tam T , huyện Núi Th, tỉnh Quảng N; vắng mặt.
17. Bà Võ Thị Minh Ph , sinh năm 1973; đại chỉ: Khối phố Mỹ Thạch B , phường Tân Th , thành phố Tam K , tỉnh Quảng N ; vắng mặt.
18. Doãn Thị L , sinh năm 1993; địa chỉ: Khối phố Phú Ph, phường An Ph , thành phố Tam K , tỉnh Quảng N; vắng mặt.
19. Bà Trịnh Thị H , sinh năm 1983; địa chỉ: 72 Thăng Long, phường Hoà Cường N , quận Hải Ch , thành phố Đà N ; vắng mặt.
20. Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1990; địa chỉ: Khối phố Mỹ H , phường An M , thành phố Tam K , tỉnh Quảng N ; vắng mặt.
21. Bà Phan Thị Minh Tr , sinh năm 1989; địa chỉ: Khối phố 1, phường An S , thành phố Tam K , tỉnh Quảng N ; vắng mặt.
22. Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1987; địa chỉ: Khối phố Mỹ An, phường An M , thành phố Tam K , tỉnh Quảng N ; vắng mặt.
23. Bà Hoàng Thị Lưu A , sinh năm 1987; địa chỉ: Khối phố Thuận Tr , phường Hoà Th, thành phố Tam K , tỉnh Quảng N; vắng mặt.
24. Ông Nguyễn Phan Anh T i, sinh năm 1985; địa chỉ: Khối phố Mỹ Thạch

T, phường Tân Th, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; có mặt.

25. Bà Võ Thị Hoài Th, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 548 Hùng Vương, khối phố 8, phường An S, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; có mặt.

26. Ông Ngô Quang Ng, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 548 Hùng Vương, khối phố 8, phường An S, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2020, Phan Thị Khánh L bắt đầu thực hiện hoạt động cho vay tiền có thu lãi suất. Để thực hiện việc cho vay tiền, L gặp những người quen của mình nói cho họ biết việc mình có cho vay tiền, người nào có nhu cầu thì liên hệ L cho vay. Thời gian đầu, L cho vay với lãi suất từ 8% - 12% /01 tháng. Sau một thời gian, L tăng lãi suất lên từ 15% - 18%/01 tháng tương đương với 180% - 216%/năm hoặc 01%-02%/ngày tương đương 360% - 730%/năm tùy theo mỗi quan hệ.

Cách thức cho vay như sau: L cho vay theo các hình thức trả góp hằng ngày cả gốc và lãi, hoặc cắt lãi trước rồi góp tiền gốc hằng ngày, hoặc chỉ trả lãi khi nào có đủ tiền thì trả gốc (*vay đứng*). Đa số khi cho vay L thu trước tiền lãi của gói vay, nếu gói vay trả góp theo ngày thì L sẽ trừ trước 01 đến 02 ngày tiền góp; trường hợp người vay đến hạn nhưng chưa đủ tiền trả gốc thì L cho đáo hạn, khi cho đáo hạn lại các khoản vay đã vay L sẽ trừ luôn số tiền còn nợ của lần vay trước (gốc và lãi). Sau khi trừ hết các khoản trên L sẽ giao tiền mặt hoặc chuyển khoản cho người vay. Một số người L sẽ thu thêm 01% số tiền được gọi là tiền đảm bảo uy tín cho khoản vay, số tiền này khi người vay trả hết tiền cho L thì L sẽ trả lại cho người vay.

Khi người vay có nhu cầu vay tiền thì nhắn tin hoặc gọi điện thoại cho L, L và người vay sẽ trao đổi về số tiền, lãi suất, cách thức trả tiền (*trả góp hay trả lãi đứng...*), thời hạn vay...Sau khi thống nhất với nhau L sẽ nhắn tin cho người vay về số tiền vay, tiền người vay sẽ được nhận và tiền lãi L thu. Việc thu lãi L không nói trực tiếp là thu lãi mà sẽ ghi là tiền nợ, tiền thiếu, người vay hoặc bạn của người vay nhận tiền mặt....Phan Thị Khánh L sử dụng điện thoại di động để nhắn tin, gọi điện trao đổi với người vay tiền thông qua ứng dụng zalo được lập từ nhiều số điện thoại của L.

Để phục vụ hoạt động cho vay, từ đầu năm 2020 đến khi bị bắt, L sử dụng tài khoản ngân hàng cá nhân mang tên Phan Thị Khánh L số 065100043824 mở tại Ngân hàng Vietcombank để giao dịch chuyển và nhận tiền với người vay, ngoài hình thức chuyển khoản, L còn giao, nhận tiền mặt trực tiếp với người vay. Ngoài ra, vào tháng 9/2023, L còn nhờ Võ Thị Hoài Thương (*sinh năm 1996, trú tại KP8, phường An Sơn, TP. Tam Kỳ, là người giúp việc của gia đình L*) đăng ký mở 01 tài khoản ngân hàng số 7430061996 tại Ngân hàng Techcombank rồi giao cho L sử dụng để giao dịch chuyển, nhận tiền với người vay, nhờ Ngô Quang

Nguyên- là chồng của Thương nhận chuyển tiền của người vay qua tài khoản của Nguyên, sau đó Nguyên chuyển đến tài khoản cho L.

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2020 đến khi bị bắt, Phan Thị Khánh L đã cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất từ 10% - 18%/tháng tương đương với 121,6% - 219%/năm hoặc 01% - 2%/ngày tương đương với 365% - 730%/năm, gấp trên 05 lần – 7 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS (20%/01năm) cụ thể như sau:

1. Hà Thị Nở (sinh năm: 1989, trú tại: Khối phố Mỹ Hoà, phường An Mỹ, TP. Tam Kỳ): từ tháng 12/2020 đến tháng 12/2021, Nở vay tiền của L 05 lần. Cụ thể:

+ Lần 1: L cho Nở vay 25.000.000đ, hình thức vay đúng (trả lãi hằng tháng), lãi suất 30%/tháng, tương ứng với 7.500.000đ/01 tháng. Nở trả lãi được 09 tháng với tổng tiền lãi là 67.500.000đ, sau đó đã trả xong tiền gốc 25.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 3.699.000đ. L thu lợi bất chính 63.801.000đ.

+ Lần 2: L cho Nở vay 10.000.000đ, hình thức vay đúng (trả lãi hằng tháng), lãi suất 30%/tháng, tương ứng với 3.000.000đ/01 tháng. Nở trả lãi được 06 tháng với số tiền 18.000.000đ, sau đó đã trả xong số tiền gốc 10.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 986.000đ. L thu lợi bất chính 17.014.000đ.

+ Lần 3: L cho Nở vay 30.000.000đ, hình thức vay đúng (trả lãi hằng tháng), lãi suất 30%/tháng, tương ứng với 9.000.000đ/01 tháng. Nở trả lãi 04 tháng với số tiền 36.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 1.973.000đ. L thu lãi bất chính được số tiền 34.027.000đ. Đến tháng 2/2022, Nở không có khả năng trả tiếp nên không tiếp tục trả lãi cho L. Đến giữa năm 2023, Nở thương lượng với L chỉ trả cho L tiền gốc, không trả thêm lãi thì L đồng ý. Nở đã trả cho L nhiều lần được khoảng 3.000.000đ. Hiện Nở còn nợ L số tiền 27.000.000đ.

+ Lần 4: L cho Nở vay 20.000.000đ, thời hạn 30 ngày, L thu trước tiền lãi 8.000.000đ, tương ứng với lãi suất 40%/tháng, tiền gốc Nở trả góp theo ngày, Nở đã trả xong tiền gốc cho L. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 329.000đ. L thu lãi bất chính được số tiền 7.671.000 đ.

+ Lần 5: L cho Nở vay 20.000.000đ, thời hạn vay 04 ngày, L thu lãi trước 8.000.000đ, tiền gốc trả 01 lần sau 04 ngày. Cùng thời điểm tháng 2/2022 Nở không còn khả năng trả nợ nên không tiếp tục trả lãi và gốc cho L. Đến giữa năm 2023, Nở tiếp tục trả cho L, L chỉ thu tiền gốc, không tiếp tục thu lãi. Nở đã trả xong tiền gốc cho L. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 44.000đ. L thu lãi bất chính được số tiền 7.956.000đ.

* Tổng cộng, L cho Nở vay 105.000.000đ tiền gốc, tiền lãi L đã thu 137.500.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 7.031.000đ. L thu lợi bất chính 130.469.000đ. Hà Thị Nở còn nợ 27.000.000đ tiền vay gốc. (BL: 77, 78)

2. Võ Thị Vàng Anh (sinh năm: 1992, trú tại KP. 5, phường An Sơn, TP. Tam Kỳ) vay tiền của L 11 lần, cụ thể:

+ Lần 1: L cho Vàng Anh vay 100.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, L thu trước tiền lãi 18.000.000đ, tương ứng với lãi suất 0,6%/ngày, 219%/năm. Vàng Anh đã trả đủ tiền lãi và gốc cho L. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 1.644.000đ. L thu lãi bất chính được số tiền 16.365.000đ

+ Lần 2 – lần 7: L cho Vàng Anh vay 6 lần với số tiền 150.000.000đ/lần với tổng số tiền vay gốc là 900.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày/lần, mỗi lần L thu trước tiền lãi 27.000.000đ tương đương với lãi suất 0,6%/ngày, 219%/năm. Tổng số tiền lãi L đã thu của 06 lần là 162.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 14.794.000đ/ 6 lần. L thu lãi bất chính số tiền 147.206.000đ, Vàng Anh đã trả tiền gốc 05 lần, 01 lần trả được 02 ngày với tổng số tiền 760.000.000đ thì L bị bắt. Hiện Vàng Anh còn nợ L số tiền 140.000.000đ.

+ Lần 8: L cho Vàng Anh vay 100.000.000đ, thời hạn vay 07 ngày, L thu lãi 14.000.000đ tương ứng với lãi suất 2%/ngày, 730%/năm. Vàng Anh đã trả xong gốc cho L. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 384.000đ. L thu lãi bất chính số tiền 13.616.000đ.

+ Lần 9: L cho Vàng Anh vay 70.000.000đ, thời hạn vay 07 ngày, L thu lãi 9.000.000đ tương ứng với lãi suất 1,836%/ngày, 670,4%/năm. Vàng Anh đã trả xong gốc cho L. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 268.000đ. L thu lãi bất chính số tiền 8.732.000đ.

+ Lần 10, Lần 11: Mỗi lần L cho Vàng Anh vay số tiền 50.000.000đ/lần, tổng số tiền vay gốc là 100.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày, mỗi lần L thu lãi 8.000.000đ tương đương với lãi suất 1,6%/ngày, 584%/năm. Tổng số tiền lãi L đã thu của 02 lần là 16.000.000đ. Vàng Anh đã trả xong gốc cho L. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 548.000đ/ 2 lần. L thu lãi bất chính với số tiền 15.452.000đ.

* Tổng cộng, L cho Vàng Anh vay 1.270.000.000đ tiền gốc, tiền lãi L đã thu 219.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 17.638.000đ. L thu lợi bất chính 201.362.000đ. Vàng Anh còn nợ 140.000.000đ tiền vay gốc. (BL: 78)

3. Phạm Quỳnh Như (sinh năm: 1996, trú tại: KP. Mỹ Nam, phường An Mỹ, TP. Tam Kỳ), vay của L 04 lần, cụ thể:

+ Lần 1, Lần 2: mỗi lần L cho Như vay số tiền 100.000.000đ/lần, tổng số tiền vay gốc là 200.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi lần vay L thu trước tiền lãi 18.000.000đ, tương đương với lãi suất 0,6%/ngày, 219%/năm. Tổng số tiền lãi L thu của 02 lần là 36.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 3.288.000đ/ 2 lần. L thu lãi bất chính số tiền 32.712.000đ.

+ Lần 3: L cho Như vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, L thu lãi được 900.000đ, tương đương với lãi suất 0,6%/ngày, 219%/năm. Số tiền lãi tương

ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 83.000đ, L thu lãi bất chính số tiền 817.000đ.

+ Lần 4: L cho Như vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, L thu lãi được 2.700.000đ, tương đương với lãi suất 0,6%/ngày, 219%/năm. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 247.000đ, L thu lãi bất chính số tiền 2.453.000đ.

* Tổng cộng, L cho Như vay 220.000.000đ tiền gốc, tiền lãi L đã thu 39.600.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 3.618.000đ. L thu lợi bất chính 35.982.000đ. Như đã thanh toán xong tiền vay gốc.

4. Nguyễn Thị Bích Hằng (sinh năm: 1989, trú tại khối phố Mỹ Thạch Tây, phường Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ) vay của L 03 lần, cụ thể như sau:

+ Lần 1, Lần 2: L cho Hằng vay số tiền 100.000.000đ/ 01 lần, tổng số tiền vay gốc là 200.000.000đ, thời hạn vay mỗi lần là 30 ngày, L thu lãi 18.000.000đ/lần tương đương với lãi suất 0,6%/ngày, 219%/năm, tổng số tiền lãi L đã thu của 02 lần là 36.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 3.288.000đ/ 2 lần. L thu lãi bất chính số tiền 32.712.000đ. Chị Hằng đã trả đủ gốc và lãi cho L.

+ Lần 3: L cho Hằng vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 03 ngày, Hằng trả lãi cho L 7.000.000đ, lãi suất 2.33%/ngày, 851%/năm. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 165.000đ. L thu lãi bất chính được số tiền 6.835.000đ.

Ngoài ra, Nguyễn Thị Bích Hằng còn nhiều lần vay tiền của L, vay trong 01 ngày hoặc 02 ngày, 03 ngày trả. Hằng và L không nhớ được tiền lãi của các khoản vay này nên không có căn cứ xác định tiền vay và thu lợi của L.

* Tổng cộng, L cho Hằng vay số tiền 300.000.000đ, tiền lãi L đã thu là 43.000.000đ, Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 3.453.000đ. L thu lợi bất chính 39.547.000đ. Hằng đã thanh toán xong tiền vay gốc.

5. Nguyễn Thị Diệu Phú (sinh năm: 1992, trú tại thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành) vay tiền của L 02 lần, cụ thể:

+ Lần 1: L cho Phú vay số tiền 60.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, L thu tiền lãi là 10.000.000đ tương đương với lãi suất 0,556%/ngày, 202,77%/năm. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 987.000đ. L thu lãi bất chính được số tiền 9.013.000đ.

+ Lần 2: L cho Phú vay số tiền 55.000.000đ, thời hạn 30 ngày, L thu lãi là 11.000.000đ tương đương với lãi suất 0,66%/ngày, 243,33%/năm. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 905.000đ. L thu lãi bất chính được số tiền 10.095.000đ. Chị Phú đã trả xong tiền gốc cho L.

* Tổng cộng L cho chị Phú vay số tiền 115.000.000đ, tiền lãi L đã thu là 21.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 1.892.000đ. L thu lãi bất chính số tiền 19.108.000đ. Chị Phú đã thanh toán xong tiền gốc.

6. Lê Ngọc Lâm (sinh năm 1985, trú tại KP. Mỹ Thạch Trung, phường Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ) vay tiền của L 03 lần, cụ thể:

+ Lần 1: L cho anh Lâm vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, lãi 5.000.000đ/ 30 ngày, tương đương với lãi suất 10%/30 ngày, 121,66%/năm. Anh Lâm trả cho L 02 tháng tiền lãi với số tiền 10.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 1.644.000đ. L thu lãi bất chính số tiền 8.356.000 đồng.

+ Lần 2, Lần 3: L cho anh Lâm vay 02 lần với số tiền 100.000.000đ/01 lần, tổng số tiền vay gốc là 200.000.000đ, thời hạn 30 ngày/01 lần, L thu lãi 9.500.000đ/lần tương đương với lãi suất 0,33%/ngày, 121,66%/năm. Tổng số tiền lãi L đã thu của 02 lần là 19.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 3.288.000đ/2 lần. L thu lãi bất chính số tiền 15.712.000đ. Anh Lâm đã trả xong tiền gốc

* Tổng cộng, L cho anh Lâm vay số tiền 250.000.000đ, tiền lãi L đã thu là 29.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 4.932.000đ. L thu lãi bất chính số tiền 24.068.000đ. Anh Lâm đã trả xong tiền gốc và lãi cho L.

7. Bùi Thị Triều (sinh năm 1988, trú tại KP. Phương Hoà Nam, phường Hoà Thuận, TP. Tam Kỳ) vay của L 02 lần

+ Lần 1: L cho Triều vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, L thu trước tiền lãi 5.000.000đ và chuyển cho Triều 45.000.000đ, tương đương với lãi suất 10%/tháng, 121,66%/năm. Triều trả lãi đúng cho L được 12 tháng với tổng số tiền 60.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã thu của khoản vay này là 65.000.000đ.

+ Lần 2: L cho Triều vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, L thu trước tiền lãi 5.000.000đ và chuyển cho Triều 45.000.000đ, tương đương với lãi suất 10%/tháng, 121,66%/năm. Triều trả lãi đúng cho L được 16 tháng với tổng số tiền 80.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã thu của khoản vay này là 85.000.000đ.

Như vậy, L cho Bùi Thị Triều vay tổng số tiền gốc là 100.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày/01 lần. Tổng tiền lãi L đã thu là 150.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 24.660.000đ. L thu lãi bất chính 125.340.000đ. Chị Triều đã trả xong tiền gốc cho L.

8. Nguyễn Đức Toàn (sinh năm 1991, trú tại KP Mỹ Hiệp, phường An Mỹ, TP Tam Kỳ), vay tiền của L 07 lần, cụ thể:

+ Lần 1: L cho Toàn vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, L thu tiền lãi 15%/30 ngày, 182,5%/năm với số tiền lãi 2.250.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 247.000đ. L thu lãi bất chính 2.003.000đ.

+ Lần 2 – Lần 5: L cho Toàn vay 04 lần số tiền 30.000.000đ/lần, tổng số tiền gốc đã cho vay là 120.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày/ 01 lần, lãi suất 15%/30 ngày, 182,5%/năm tương đương với số tiền 4.500.000đ/ lần. Tổng tiền lãi L đã thu trong 4 lần là 18.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 1.972.000đ/4 lần. L thu lãi bất chính 16.028.000đ.

+ Lần 6: L cho Toàn vay số tiền 70.000.000đ, thời hạn 45 ngày, L thu lãi 15%/45 ngày, 121,66%/năm tương đương với số tiền lãi 10.500.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 1.726.000đ. L thu lãi bất chính được 8.774.000đ.

+ Lần 7: L cho Toàn vay số tiền 25.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 12%/30 ngày, 146%/năm. L đã thu trước tiền lãi 3.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 411.000đ. L thu lãi bất chính 2.589.000đ. Toàn trả tiền gốc theo ngày được 15.000.000đ. Hiện Toàn còn nợ L 10.000.000đ.

* Tổng cộng L cho Toàn vay số tiền 230.000.000đ, tổng tiền lãi đã thu là 33.750.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 4.356.000đ. L thu lãi bất chính số tiền 29.394.000đ. Toàn còn nợ L số tiền gốc 10.000.000đ.

9. Lê Thị Thuỳ Dung (sinh năm 1991, trú KP. Hương Sơn, phường Hoà Hương, TP. Tam Kỳ) vay của L 07 lần, với tổng số tiền vay 70.000.000đồng, lãi suất 10%/30 ngày, 121,66%/năm tương đương với 1.000.000đ/lần, sau đó L có giảm lãi cho Dung 03 lần số tiền 1.500.000đ. Tổng số tiền lãi L đã thu là 5.500.000đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 1.150.000đ. L thu lãi bất chính được 4.350.000đ. (thế chấp giấy tờ xe)

10. Nguyễn Thị Diễm My (sinh năm: 1990, trú tại khối phố Phương Hòa Đông, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ) vay 02 lần, cụ thể:

+ Lần 1, My vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 18%/30 ngày, 219%/năm tương đương với 1.800.000đ/tháng. My trả lãi cho L được 03 tháng với số tiền 5.400.000đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 494.000đ. L thu lãi bất chính 4.906.000đ.

- Lần 2: My tiếp tục vay của L số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất như lần 1, lãi suất 18%/30 ngày, 219%/năm, tương đương 3.600.000đ/tháng. My trả lãi cho L 01 tháng với số tiền 3.600.000đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 329.000đ. L thu lãi bất chính 3.271.000đ.

My gộp khoản vay lần 1 và lần 2 thành 30.000.000đ và trả lãi với số tiền 5.400.000 đồng/tháng. My trả lãi được 10 tháng với tổng số tiền 54.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 4.932.000đ. L thu lãi bất chính 49.068.000đ.

Sau 10 tháng, L tăng lãi lên thành 7.500.000 đồng/tháng đối với khoản vay nêu trên. My trả lãi cho L thêm 02 tháng tiền lãi với số tiền 15.000.000đ thì mất khả năng trả nên không trả tiếp cho L. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 986.000đ. L thu lãi bất chính 14.041.000đ. My còn nợ L số tiền gốc 30.000.000đ.

* Tổng cộng L cho My vay số tiền 30.000.000đ, số tiền lãi đã thu là 78.000.000 đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại

Điều 468 BLDS mà L đã thu là 6.741.000đ. L thu lãi bất chính 71.259.000đ. My còn nợ L số tiền gốc 30.000.000đ.

Ngoài ra, My khai nhiều lần có vay tiền của L, mỗi lần vay thời hạn vài ngày rồi trả, L có thu lãi nhưng My không nhớ được đã trả cho L bao nhiêu tiền lãi, không biết L tính lãi bao nhiêu phần trăm nên không có căn cứ xác định tiền vay và tiền L đã thu lợi của My. Ngoài các khoản vay nêu trên, My còn nhiều lần mượn L số tiền 419.000.000đ, chưa trả cho L thì My bị bắt, L chưa thu lãi đối với khoản tiền trên.

11. Nguyễn Thị Hiếu (sinh năm 1992, trú tại xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam, sử dụng tài khoản Zalo “An Nhiên”) vay tiền của L 01 lần, số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, lãi 2.000.000đ tương đương với lãi suất 20%/30 ngày, 243,33%/năm. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 164.000đ. L thu lãi bất chính số tiền 1.835.000đ. Hiếu đã trả đủ gốc và lãi cho L. (Có giấy phép lái xe)

12. Vũ Trọng Tâm (sử dụng tài khoản Zalo “Tâm Seven” sinh năm 1990, trú KP. Hương Sơn, phường Hoà Hương, TP. Tam Kỳ) vay tiền của L 06 lần, mỗi lần vay 5.000.000đ, tổng số tiền gốc đã vay là 30.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày/01 lần, L thu lãi 1.000.000đ/lần tương đương với lãi suất 20%/30 ngày, 243,33%/năm. Tâm đã trả lãi và gốc cho L 5 lần trong đó tổng số tiền lãi 5.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 410.000đ/5 lần. L thu lãi bất chính 4.590.000đ, thu tiền phạt trả chậm lãi là 150.000đ. Lần thứ 6 do Tâm không có khả năng trả tiếp nên L không thu lãi, chỉ thu gốc, Tâm trả cho L được 1.000.000đ tiền vay gốc. Hiện Tâm còn nợ L số tiền 4.000.000đ.

* Ngoài ra L cho một số trường hợp sau vay tiền với mức lãi suất trên 100%, mặc dù không làm việc được với người vay do không rõ lai lịch tuy nhiên Cơ quan CSĐT thu giữ được giấy mượn tiền, giấy tờ tùy thân thế chấp để vay tiền, tài liệu trao đổi trên Zalo liên quan đến việc vay tiền và trả lãi và Phan Thị Khánh L khai nhận về số tiền vay, số tiền lãi đã thu được của những người này như sau:

13. Nguyễn Thị Thu Sương (sử dụng tài khoản “lulu” không rõ lai lịch): L cho Sương vay 15.000.000đ, góp 550.000đ/ngày trong 30 ngày, tương đương lãi suất 1.500.000đ/ 30 ngày, 10%/30 ngày, 121,6%/năm. Sau khi mượn tiền của L thì Sương nhắn tin cho L nói đi làm ăn xa rồi chặn liên lạc. Sương chưa trả tiền gốc và lãi cho L. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L phải thu là 247.000đ. L không thu lợi bất chính trên thực tế đối với khoản vay này. (có giấy mượn tiền)

14. Lê Thị Thu (sử dụng tài khoản zalo tên “Thu Lê” nhà ở phường Trường Xuân, không rõ lai lịch): L cho Thu vay số tiền 3.000.000đ/lần, Thu trả góp ngày, tiền lãi 600.000đ/30ngày, 20%/30ngày, 243,33%/năm. Thu đã trả xong gốc và lãi cho L 01 lần. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 50.000đ, L thu lợi bất chính 550.000đ.

15. Trần Huyền (sử dụng tài khoản zalo “Trần Huyền” không rõ lai lịch): L cho chị Huyền vay 03 lần.

+ Lần 1, Lần 2: L cho Huyền vay 02 lần số tiền 10.000.000đồng/lần, tổng số tiền gốc đã vay là 20.000.000đ, L thu lãi 10%/30 ngày, 121,66%/năm tương đương 1.000.000đ/30 ngày, tổng số tiền lãi L đã thu là 2.000.000đ/2 lần. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 329.000đ/2 lần, L thu lợi bất chính số tiền 1.671.000đ, chị Huyền đã trả xong gốc và lãi.

+ Lần 3: L cho Huyền vay số tiền 15.000.000đ, L thu lãi 10%/30 ngày tương đương 1.500.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 247.000đ, L thu lãi bất chính số tiền 1.253.000đ, chị Huyền đã trả xong gốc và lãi.

* Tổng cộng L cho chị Huyền vay 35.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 3.500.000đ, Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 576.000đ, L thu lợi bất chính 2.924.000đ.

16. Một người tên Trọng Tín (Sử dụng tài khoản “Trọng Tín”) vay số tiền 15.000.000đ, L thu lãi 10%/30 ngày, 121,66%/năm tương đương với 1.500.000đ/30 ngày. Tín trả góp theo ngày cả gốc và lãi. L mới thu được tiền góp của Tín 02 ngày được 1.000.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 17.000đ, L thu lãi bất chính trên thực tế được 83.000đ. Hiện Tín còn nợ L số tiền 14.000.000đ.

17. Một người tên Hiền (Sử dụng tài khoản Zalo “Hiền Nguyễn”) vay 01 lần, số tiền 10.000.000đ, L lấy lãi 1.400.000đ/30 ngày tương đương với lãi suất lãi 14%/30 ngày, 170%/năm. Hiền đã trả xong gốc và lãi. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 165.000đ. L thu lãi bất chính số tiền 1.235.000đ.

18. Một người tên Huỳnh Quốc Bảo (nhà ở kiệt trường Kinh tế kỹ thuật): L cho Bảo vay tiền 02 lần số tiền 10.000.000đ/ 01 lần, tổng số tiền vay gốc là 20.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng/01 lần, L thu lãi trước với mức 10%/tháng tương đương với 2.000.000đ/ 2 lần. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 330.000đ/ 2 lần. L thu lãi bất chính số tiền 1.670.000đ. Hiện Bảo còn nợ L số tiền gốc 4.500.000đ.

19. Một người tên Bùi Anh Thư (sử dụng Zalo tên “Bùi Anh Thư”), vay tiền 01 lần, số tiền 10.000.000đ, L thu lãi trước 1.400.000đ/30 ngày tương đương 14%/30 ngày, 170,33%/năm, chuyển cho Thư 8.600.000đ. Thư trả góp tiền gốc được 4.800.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 164.000đ. L thu lợi bất chính số tiền 1.236.000đ. Hiện tại Thư còn nợ L 5.200.000đ tiền gốc.

Tóm lại, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2022 đến ngày 29/01/2024, Phan Thị Khánh L đã cho 19 người vay tiền với tổng số tiền gốc là 2.838.000.000 đồng, lãi suất cho vay từ 10% - 18%/tháng tương đương với 121,6% - 219%/năm hoặc 01% - 2%/ngày tương đương với 365% - 730%/năm, gấp trên 05 lần – 7 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS (20%/01năm). Lãi suất đã thu là 772.350.000đ, trong đó lãi suất tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu của người vay là 77.439.000đ, L thu lợi

bất chính trên thực tế số tiền 695.152.000 đồng. Người vay đã trả cho L 2.588.300.000đ tiền gốc, còn nợ gốc 249.700.000đ.

Ngoài ra, Phan Thị Khánh L còn cho những người sau đây vay tiền với mức lãi suất trên 20%/01 năm nhưng không gấp trên 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS, cụ thể như sau:

01. Vũ Trọng Nghĩa (sinh năm: 1993, trú tại KP. Hương Sơn, phường Hoà Hương, TP. Tam Kỳ) vay tiền của L 02 lần, mỗi lần vay 100.000.000đ, thời hạn vay 33 ngày, L thu lãi 9.000.000đ/lần tương đương với lãi suất 09%/33 ngày, 99,545%/năm. Tổng tiền lãi L đã thu là 18.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 3.616.000đ/2 lần. L thu lợi bất chính 14.384.000đ.

02. Phạm Thương Tín (sử dụng tài khoản Zalo tên “Thương Tín” sinh năm: 1989, trú tại thôn Phú Bình, xã Tam Phú, TP. Tam Kỳ) vay tiền của L 01 lần, số tiền vay 20.000.000đ, trả lãi với số tiền 1.600.000đ/30 ngày, lãi suất 8%/30 ngày, 97,3%/năm. Anh Tín trả cho L 02 tháng tiền lãi với số tiền 3.200.000đ và thanh toán xong tiền gốc cho L. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 658.000đ, L thu lợi bất chính số tiền là 2.542.000đ.

03. Trịnh Văn Kiên (sinh năm: 1985, trú tại KP. Phương Hoà Nam, phường Hoà Thuận, TP. Tam Kỳ): Vay của L 01 lần số tiền 60.000.000đ, Kiên và L tự nguyện thoả thuận Kiên trả thêm cho L số tiền 3.500.000đ/tháng tương đương với lãi suất 5,83%/30 ngày, 70,97%/năm. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 986.000đ. L thu lợi bất chính số tiền 2.514.000đ.

04. Trần Huy Phương (sinh năm: 1988, trú tại xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, sử dụng tài khoản Zalo “Phương Huy”) vay của L số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng, L thu lãi trước 2.000.000đ, tương đương với lãi suất 6,66%/30 ngày, 81,1%/năm. Sau 02 tháng Phương trả số tiền gốc 30.000.000đ cho L. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS mà L đã thu là 986.000đ. L thu lợi bất chính số tiền 1.014.000đ.

Như vậy, Phan Thị Khánh L đã cho 4 người vay với tổng số tiền gốc là 310.000.000đồng, lãi suất cho vay từ 5,83%/tháng đến 08%/tháng, tương đương 70,9% đến 99,5%/năm (trên 20%/01 năm nhưng dưới năm lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự). Lãi suất đã thu với các trường hợp này là 26.700.000đ, số tiền lãi vượt quá 20% mà L đã thu đối với những khoản vay này là 20.454.000đ. Do những trường hợp này có mức lãi suất cho vay dưới 5 lần lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (dưới 100%), do vậy không truy tố đối với những trường hợp này nhưng được xem là tình tiết của vụ án.

Ngoài ra L cho một số người sau mượn/vay tiền, một số tài khoản Zalo liên hệ với L có trao đổi liên quan đến việc vay, mượn tiền nhưng không thu lãi hoặc có thu lãi nhưng không nhớ rõ bao nhiêu, người vay cũng không nhớ rõ số tiền đã vay và trả ở những lần vay do vậy không có cơ sở quy kết.

01. Võ Thị Minh Phượng (sinh năm: 1973, trú tại KP Mỹ Thạch Bắc, phường Tân Thạnh, TP Tam Kỳ) vay tiền của L 01 lần, số tiền 10.000.000đ, chỉ

Phượng trả tiền nhiều lần cho L trong thời gian khoảng 02 năm. L và Phượng không nhớ được đã trả cho L bao nhiêu tiền lãi nên không có căn cứ tính lãi suất và thu lợi đối với khoản vay của chị Phượng.

02. Doãn Thị Linh (sinh năm: 1993, trú tại KP. Phú Phong, phường An Phú, TP. Tam Kỳ, sử dụng tài khoản Zalo “*Hồng Linh*”) có mượn tiền của Phan Thị Khánh L nhiều lần nhưng L không lấy tiền lãi của Linh.

03. Nguyễn Thị Hiếu (sinh năm: 1983, trú tại phường Hoà Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng) có mượn tiền của Phan Thị Khánh L 02 lần, số tiền 650.000.000đ, L không lấy tiền lãi Hiếu.

04. Nguyễn Thị Hà (sinh năm: 1990, trú tại khối phố Mỹ Hiệp, phường An Mỹ, TP. Tam Kỳ) mượn tiền của Phan Thị Khánh L 01 lần, số tiền 120.000.000đ, L không lấy tiền lãi của Hà.

05. Phan Thị Minh Trâm (sinh năm: 1988, trú tại: KP. 1, phường An Sơn, TP. Tam Kỳ) đã vay tiền của L nhiều lần, trả tiền vay cho L nhiều lần nhưng không nhớ số tiền vay, không nhớ đã trả cho L bao nhiêu tiền lãi, nên không có căn cứ tính tiền Trâm đã vay và tiền L đã thu lợi từ Trâm.

Sau đó Trâm có vay của L số tiền 250.000.000đ, Trâm không đủ khả năng chi trả nên có thương lượng với L không thu lãi thì L đồng ý. L không thu lãi đối với khoản vay này, đồng ý cho Trâm trả tiền gốc dần dần. Hiện Trâm còn nợ L số tiền 250.000.000đ.

06. Trương Thị Phúc Phúc (trú tại thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước). L khai cho Phúc mượn tiền 01 lần, số tiền 13.000.000đ, L không lấy lãi của Phúc. (có 01 giấy mượn tiền)

07. Một người tên Hạnh (không rõ lai lịch) vay của L số tiền 40.000.000đ, chưa trả cho L lần nào thì bỏ đi đâu L không rõ, L không liên lạc được. Người này chưa trả lãi và gốc cho L. (**01 giấy đăng ký xe mô tô tên Phạm Thị Nhạn**)

08. Một người sử dụng zalo tên Yến Minh Sơn (chưa rõ lai lịch): L khai cho người này vay số tiền 20.000.000đ, từ năm 2022 đến nay chưa trả lãi và gốc cho L.

09. Lê Thị Thu (sử dụng tài khoản zalo tên “*Thu Lê*” nhà ở phường Trường Xuân, không rõ lai lịch): L cho Thu vay 5.000.000đ. Sau đó Thu không trả được nên có xin trả gốc, không trả lãi thì L đồng ý. Hiện Thu còn nợ L 5.000.000 đồng tiền gốc.

Cáo trạng số 110/CT-VKSTK-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã truy tố Phan Thị Khánh L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Thị Khánh L; đề nghị tuyên bố bị cáo Phan Thị Khánh L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm t, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Phan Thị Khánh L mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

Xử phạt bổ sung từ 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng đến 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt. Tuy nhiên, cần xem xét đối với số tiền thu lợi bất chính, số tiền gốc cho vay đối với những người vay không trả tiền gốc, tiền lãi thì không đề nghị truy thu. Bị cáo L đã trả tiền cho bà Phú, ông Lâm nên đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo về tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong vụ án này, bị cáo xây dựng hình ảnh nhẹ nhàng khi cho vay. Bị cáo có 4 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm a, i, s, t tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là đủ nghiêm. Về phần trách nhiệm dân sự: thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị chỉ tiếp tục tạm giữ 50% giá trị xe và 50% của số tiền phong tỏa 182.000.000 đồng vì đó là tài sản chung của vợ chồng bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải. Bị cáo hứa sẽ không bao giờ vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Kỳ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2020 đến ngày 29/01/2024, Phan Thị Khánh L đã cho 19 người vay tiền với tổng số tiền gốc là 2.838.000.000 đồng, lãi suất cho vay từ 10% - 18%/tháng tương đương với 121,6% - 219%/năm hoặc 01% - 02%/ngày tương đương với 365% - 730%/năm, gấp trên 05 lần – 7 lần mức lãi

suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS vi phạm mức lãi suất quy định tại Điều 201 BLHS, thu lợi bất chính trên thực tế số tiền 695.152.000 đồng.

Đối chiếu kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án với quy định của pháp luật hình sự, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Phan Thị Khánh L đã phạm vào tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã cố ý xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: bị cáo cho người khác vay tiền trong đó có trên 02 lần số tiền thu lợi bất chính mỗi lần trên 30.000.000 đồng. Do vậy phải chịu tình tiết “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Nhân thân: ngày 14-7-2010 bị Công an tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “tổ chức đánh bạc”.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần này được xác định chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả giao trả lại số tiền cho bà Nguyễn Thị Diệu Phú số tiền 19.108.000 đồng, trả cho ông Lê Ngọc Lâm số tiền 24.068.000 đồng, đây là số tiền bị cáo trả cho chính các người vay này. Trong quá trình tố tụng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tích cực hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền để việc giải quyết vụ án được nhanh chóng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đủ điều kiện áp dụng khoản 2, 3 Điều 54 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 2, 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là đảm bảo nguyên tắc khoan hồng trong pháp luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo có thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là bảo đảm quy định của pháp luật.

Xét quan điểm bào chữa của người bào chữa thì thấy: Đa số các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

*** Đồ vật, tài liệu bị tạm giữ:**

- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Techcombank tên Võ Thị Hoài Thương; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank tên Ngô Quang Nguyên, 01 (một) sim điện thoại mạng Mobifone số 0775433204; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank đứng tên Phan Thị Khánh L, 01 thẻ ATM ngân hàng Đông Á đứng tên Phan Thị Khánh L; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank đứng tên Nguyễn Phan Anh Tài; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 92007108 đứng tên Phan Thị Khánh L, biển kiểm soát 92A- 261.33.

- 01 (một) giấy phép lái xe tên Nguyễn Thị Hiếu (*trú Quế Thọ, Hiệp Đức, Quảng Nam*); 01 giấy phép lái xe đứng tên Nguyễn Thị Bích Hằng số AD 963765; 01 giấy phép lái xe đứng tên Doãn Thị Linh số AT 914523; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 021838 đứng tên Phạm Thị Nhạn; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 001351 đứng tên Lê Thị Thùy Dung (*KP 4, P. An Xuân, Tam Kỳ*), 01 giấy phép lái xe đứng tên Lê Thị Thùy Dung số AM 369404.

- 01 (một) tờ giấy mượn tiền viết bằng tay đứng tên Nguyễn Thị Thu Sương (*sinh ngày 22/11/1995, số điện thoại 0935.394.777*); 01 (một) tờ giấy mượn tiền viết bằng tay đứng tên Trương Thị Phúc Phúc (*sinh ngày 17/02/1997, số CMND 206240479, trú Thôn An Trung, TT. Tiên Kỳ, Tiên Phước, Quảng Nam*); 01 (một) tờ giấy mượn tiền viết bằng tay đứng tên Nguyễn Thị Bích Hằng (*sinh năm 1989, trú 09 Trần Trung Tri, Hòa Thuận, Tam Kỳ; số CMND 205450517, số điện thoại 0915025060*); 01 (một) tờ giấy mượn tiền viết bằng tay đứng tên Phạm Quỳnh Như (*sinh ngày 17/4/1996, số CMND: 205900316*); 04 (bốn) tờ giấy mượn tiền viết bằng tay đứng tên Hà Thị Nở (*sinh năm 1989, trú An Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam; số CMND: 205432492, 03 tờ giấy mượn tiền*); 04 (bốn) tờ giấy mượn tiền viết tay đứng tên Nguyễn Thị Diễm My, sinh ngày 17/7/1990, CCCD số 049190001246, địa chỉ: KP. Mỹ Thạch Đông, phường Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ; 02 (hai) tờ giấy mượn tiền đánh sẵn đứng tên Trịnh Thị Hiếu (*sinh năm 1983, CMND số 205034606, trú 69 Trần Hưng Đạo, phường Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ*).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu Titan của Phan Thị Khánh L.

- 01 (một) máy tính xách tay hiệu Macbook Air M2 2022, bộ nhớ 8GB, số Seri: NTX4R0XPWR, màu trắng để trong túi da màu hồng.

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0, màu hồng, biển kiểm soát 92A- 261.33 do Phan Thị Khánh L đứng tên đăng ký chủ sở hữu và chìa khóa.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu xanh, số imei: 358611749481760, số Seri: DNPHV2QS0D95 của Nguyễn Phan Anh Tài.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu trắng, số máy: NGAK2LL/A của Võ Thị Hoài Thương.

- Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác

+ Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) giấy phép lái xe tên Nguyễn Thị Hiếu (*trú Quế Thọ, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam*); 01 giấy phép lái xe đứng tên Nguyễn Thị Bích Hằng số AD 963765; 01 giấy phép lái xe đứng tên Doãn Thị Linh số AT 914523; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 001351 đứng tên Lê Thị Thùy Dung

(KP 4, P. An Xuân, Tam Kỳ), 01 giấy phép lái xe đứng tên Lê Thị Thùy Dung số AM 369404. Đây là những giấy tờ cá nhân do những người vay tự nguyện giao cho L khi vay tiền. Do vậy, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 của Nguyễn Phan Anh Tài, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 của Võ Thị Hoài Thương, 01 máy tính xách tay hiệu Macbook Air và 01 xe ô tô hiệu Vinfast của Phan Thị Khánh L qua điều tra xác định chưa phát hiện nội dung liên quan đến hoạt động phạm tội của Phan Thị Khánh L. Cơ quan CSĐT đã xử lý vật chứng, trả lại cho Nguyễn Phan Anh Tài 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12; trả lại cho Nguyễn Phan Anh Tài và Phan Thị Khánh L 01 máy tính xách tay hiệu Macbook Air; trả lại Võ Thị Hoài Thương 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 021838 đứng tên Phạm Thị Nhạn qua điều tra xác định là giấy tờ thế chấp do người tên Hạnh tự nguyện giao cho L khi vay tiền và L không thu lãi trường hợp này. Do chưa xác định được người vay tên Hạnh, do vậy Cơ quan CSĐT tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý sau.

- Đối với 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Techcombank tên Võ Thị Hoài Thương; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank đứng tên Phan Thị Khánh L liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank tên Ngô Quang Nguyên, 01 (một) sim điện thoại mạng Mobifone số 0775433204; 01 thẻ ATM ngân hàng Đông Á đứng tên Phan Thị Khánh L; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank đứng tên Nguyễn Phan Anh Tài không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

Căn cứ Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS 2015, xét thấy cần:

- Trả lại cho Phan Thị Khánh L 01 sim điện thoại mạng Mobifone số 0775433204; 01 thẻ ATM ngân hàng Đông Á đứng tên Phan Thị Khánh L, 01 (một) xe ô tô hiệu Vinfast, kèm theo 01 chìa khoá xe và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 92007108 đứng tên Phan Thị Khánh L, biển kiểm soát 92A- 261.33. Đối với 01 (một) xe ô tô hiệu Vinfast, biển kiểm soát 92A- 261.33 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bị cáo và ông Tài nên cần tiếp tục tạm giữ 50% giá trị xe phần của bị cáo L để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Ngô Quang Nguyên 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank tên Ngô Quang Nguyên, Nguyễn Phan Anh Tài 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank đứng tên Nguyễn Phan Anh Tài.

- Đối với 14 tờ giấy vay mượn tiền thu giữ có liên quan đến hành vi cho vay của L cần tiếp tục lưu theo hồ sơ.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu Titan của Phan Thị Khánh L có liên quan đến hành vi phạm tội.

+ **Các biện pháp tư pháp khác:** Căn cứ Điều 47, Điều 48 BLHS 2015, cần:

- Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với Phan Thị Khánh L số tiền **2.665.739.000 đồng** (Hai tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng) trong đó gồm: 2.588.300.000 (hai tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu,

ba trăm nghìn) đồng tiền gốc mà Phan Thị Khánh L sử dụng vào việc phạm tội (cho vay lãi nặng) đã được người vay thanh toán. 77.439.000 (bảy mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn) đồng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) mà Phan Thị Khánh L đã thu của người vay.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước từ người vay số tiền mà Phan Thị Khánh L cho vay nhưng những người vay chưa thanh toán xong cụ thể: Hà Thị Nở 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng, Võ Thị Vàng Anh 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng, Nguyễn Đức Toàn 10.000.000 (mười triệu) đồng, Nguyễn Thị Diễm My 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, Vũ Trọng Tâm 4.000.000 (bốn triệu) đồng, Nguyễn Thị Thu Sương 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. (Đối với người tên Tín 14.000.000 đồng, Huỳnh Quốc Bảo 4.500.000 đồng, Bùi Anh Thư 5.200.000 đồng, tuy nhiên Tín, Bảo, Thư chưa rõ lai lịch, chưa làm việc được nên chưa thể truy thu số tiền trên).

- Buộc Phan Thị Khánh L trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội, cụ thể: Hà Thị Nở 130.469.000 (một trăm ba mươi triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn) đồng. Võ Thị Vàng Anh 201.362.000 (hai trăm lẻ một triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn) đồng. Phạm Quỳnh Như 35.982.000 (ba mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn) đồng. Nguyễn Thị Bích Hằng 39.547.000 (ba mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng. Nguyễn Thị Diệu Phú 19.108.000 (mười chín triệu, một trăm lẻ tám nghìn) đồng (đã trả xong). Lê Ngọc Lâm 24.068.000 (hai mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn) đồng (đã trả xong). Bùi Thị Triều 125.340.000 (một trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi nghìn) đồng. Nguyễn Đức Toàn 29.394.000 (hai mươi chín triệu, ba trăm chín mươi bốn nghìn) đồng. Lê Thị Thuỳ Dung 4.350.000 (bốn triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng. Nguyễn Thị Diễm My 71.259.000 (bảy mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn) đồng. Nguyễn Thị Hiếu 1.835.000 (một triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn) đồng. Vũ Trọng Tâm 4.740.000 (bốn triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với Phan Thị Khánh L số tiền **7.698.000 đồng** thu lợi bất chính (trên 100%) đối với các trường hợp vay gồm Lê Thị Thu, Trần Huyền, Trọng Tín, Huỳnh Quốc Bảo, Hiền, Bùi Anh Thư nhưng chưa xác định được người vay.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với Phan Thị Khánh L số tiền **20.454.000 đồng** thu lợi bất hợp pháp (trên 20%) mà L đã thu được từ việc cho các trường hợp vay tiền với mức lãi suất trên 20%/năm nhưng không gấp trên 5 lần lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS.

- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tam Kỳ đã phối hợp với Ngân hàng Teckcombank tạm ngưng mọi giao dịch đi và đến tài khoản mang tên Võ Thị Hoài Thương. Hiện trong tài khoản còn số tiền khoảng 48.000.000 đồng. Qua điều tra xác định đây là số tiền liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng của L do vậy cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Cơ quan CSĐT đã phong tỏa số tiền 182.000.000 đồng hiện có trong tài khoản 1015432373 ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Phan Anh Tài có liên quan đến các giao dịch của Phan Thị Khánh L. Tuy nhiên qua làm việc L khai

nhận số tiền trên là tiền biếu hối của L không liên quan đến hành vi phạm tội. Số tiền này là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bị cáo và ông Tài nên cần tiếp tục tạm giữ 50% phần của bị cáo L để đảm bảo thi hành án;

- Cơ quan CSĐT đã phong toả toàn bộ số tiền 2.856.448 đồng có trong tài khoản số 0651000438243 ngân hàng Vietcombank của Phan Thị Khánh L. Qua điều tra xác định có liên quan đến hoạt động phạm tội do vậy cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[2.4] Những vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với Võ Thị Hoài Thương: Quá trình điều tra xác định Thương là người giúp việc nhà cho L được trả lương hằng tháng. Trong thời gian làm giúp việc cho L, Thương biết việc L cho vay tiền nhưng không biết lãi suất L cho vay. Do làm giúp việc nên Thương đi cùng L, những lần đi cùng L thì Thương cũng đứng bên ngoài, việc trao đổi, thoả thuận giữa L và người vay Thương không biết. Thương có giúp L đem tiền đến các điểm nạp tiền hoặc ngân hàng để nạp tiền nhưng không biết nộp tiền cho ai, quan hệ thế nào với L. Thương có đi nhận tiền của Hà Thị Nở trả cho L nhưng Thương không biết rõ giữa L và Nở thoả thuận với nhau như thế nào. Thương có mở tài khoản và giao cho L sử dụng nhưng khi nhờ Thương mở tài khoản L nói với Thương mục đích mở để chuyển tiền mua sắm và tiền L tham gia góp biếu. Thương không biết L đã sử dụng tài khoản này vào mục đích chuyển nhận tiền vay. Thương chỉ được trả tiền lương giúp việc nhà hằng tháng chứ không hưởng lợi gì khác. Do đó, không có căn cứ chứng minh Võ Thị Hoài Thương đồng phạm với Phan Thị Khánh L thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không đề cập xử lý đối với Võ Thị Hoài Thương là phù hợp.

- Đối với hành vi mở tài khoản ngân hàng sau đó cho Phan Thị Khánh L mượn sử dụng của Võ Thị Hoài Thương đã vi phạm Nghị định 88/2019/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định 143/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tam Kỳ đã chuyển UBND TP. Tam Kỳ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền, số tiền 45.000.000 đồng là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Phan Anh Tài là chồng Phan Thị Khánh L: Tài biết việc Phan Thị Khánh L có cho một số người vay tiền nhưng không biết rõ lãi suất L cho vay, không biết L cho bao nhiêu người vay tiền, không tham gia vào hoạt động cho vay tiền của L. Trong thời gian diễn ra hoạt động phạm tội của Phan Thị Khánh L, nhiều lần L chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Nguyễn Phan Anh Tài và Tài nhiều lần chuyển tiền lại vào tài khoản của L. Theo L và Tài khai nhận, khi chuyển tiền cho Tài thì L nói với Tài đó là tiền để dành, tích góp của gia đình. Do đó, không có căn cứ chứng minh Nguyễn Phan Anh Tài giúp sức cho Phan Thị Khánh L thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không đề cập xử lý đối với Nguyễn Phan Anh Tài là phù hợp.

- Đối với Ngô Quang Nguyên: L có nhờ Nguyên nhiều lần nhận chuyển khoản tiền từ người vay đến tài khoản của Nguyên rồi chuyển lại cho Phan Thị

Khánh L. Khi nhận chuyển tiền giúp L, Nguyên không biết đó là tiền do L hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không đề cập xử lý đối với Ngô Quang Nguyên là phù hợp.

- Đối với dữ liệu điện tử khai thác được trong quá trình điều tra liên quan đến hành vi cá độ bóng đá thắng thua bằng tiền của Nguyễn Phan Anh Tài. Qua xác minh, số tiền đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Nguyễn Phan Anh Tài chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Đồng thời, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết nên không đề cập xử lý đối với Nguyễn Phan Anh Tài.

- Đối với một số người vay không rõ lai lịch, không có mặt tại địa phương. Cơ quan CSĐT đã có thông báo truy tìm trên các cơ quan báo chí, truyền thông đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án (người vay tiền của Phan Thị Khánh L), tuy nhiên đến nay không có người khác đến liên hệ để làm việc, chưa phát sinh thêm người vay nào khác ngoài những trường hợp đã làm việc. Cơ quan CSĐT Công an TP. Tam Kỳ đã gửi Yêu cầu tra cứu thông tin đối với các tài khoản Zalo chưa rõ lai lịch đến Công ty Vina Game, trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh nhưng đến nay chưa nhận được kết quả trả lời. Do vậy, Cơ quan CSĐT sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ sau là phù hợp.

[2.5] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Thị Khánh L phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

2. Căn cứ: khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, i, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2, 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Khánh L 05 (năm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 29-01-2024 đến ngày 25-4-2024).

Xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Phan Thị Khánh L số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

3. *Về vật chứng của vụ án*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Trả lại cho Phan Thị Khánh L: 01 (một) sim điện thoại mạng Mobifone số 0775433204; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Đông Á đứng tên Phan Thị Khánh L; 01 (một) xe ô tô hiệu Vinfast, kèm theo 01 chìa khoá xe và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 92007108 đứng tên Phan Thị Khánh L, biển kiểm soát 92A-

261.33, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ 50% giá trị chiếc xe trên phần của bị cáo L để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Ngô Quang Nguyên 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank tên Ngô Quang Nguyên;

- Trả lại cho Nguyễn Phan Anh Tài 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank đứng tên Nguyễn Phan Anh Tài.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu Titan của Phan Thị Khánh L.

- Tịch thu, tiêu hủy: Đối với 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Techcombank tên Võ Thị Hoài Thương; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank đứng tên Phan Thị Khánh L.

(Các vật chứng hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16-7-2024; riêng xe ô tô hiệu Vinfast, biển kiểm soát 92A- 261.33 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ tiếp tục gửi lại kho vật chứng của Công an thành phố Tam Kỳ).

- Tiếp tục lưu kèm hồ sơ vụ án đối với 14 tờ giấy vay mượn tiền thu giữ có liên quan đến hành vi cho vay của Phan Thị Khánh L.

+ **Các biện pháp tư pháp khác:** Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, tuyên:

- Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với Phan Thị Khánh L số tiền 2.665.739.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng) trong đó gồm: 2.588.300.000 (hai tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, ba trăm nghìn) đồng tiền gốc mà Phan Thị Khánh L sử dụng vào việc phạm tội (cho vay lãi nặng) đã được người vay thanh toán và 77.439.000 (bảy mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn) đồng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) mà Phan Thị Khánh L đã thu của người vay.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước từ người vay số tiền gốc mà Phan Thị Khánh L cho vay nhưng những người vay chưa thanh toán xong, cụ thể truy thu của: Hà Thị Nở 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng; Võ Thị Vàng Anh 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng; Nguyễn Đức Toàn 10.000.000 (mười triệu) đồng; Nguyễn Thị Diễm My 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng; Vũ Trọng Tâm 4.000.000 (bốn triệu) đồng; Nguyễn Thị Thu Sương 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Buộc Phan Thị Khánh L trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội, cụ thể trả lại cho: Hà Thị Nở 130.469.000 (một trăm ba mươi triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn) đồng; Võ Thị Vàng Anh 201.362.000 (hai trăm lẻ một triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn) đồng; Phạm Quỳnh Như 35.982.000 (ba mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn) đồng; Nguyễn Thị Bích Hằng 39.547.000 (ba mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng; Bùi Thị Triều 125.340.000 (một trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi nghìn) đồng; Nguyễn Đức Toàn 29.394.000 (hai mươi chín triệu, ba trăm chín

mười bốn nghìn) đồng; Lê Thị Thuỳ Dung 4.350.000 (bốn triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng; Nguyễn Thị Diễm My 71.259.000 (bảy mươi một triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn) đồng; Nguyễn Thị Hiếu 1.835.000 (một triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn) đồng; Vũ Trọng Tâm 4.740.000 (bốn triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả khoản tiền trên thì người phải thi hành án phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với Phan Thị Khánh L số tiền 7.698.000 (bảy triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn) đồng thu lợi bất chính (trên 100%) đối với các trường hợp vay gồm Lê Thị Thu, Trần Huyền, Trọng Tín, Huỳnh Quốc Bảo, Hiền, Bùi Anh Thư.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với Phan Thị Khánh L số tiền 20.454.000 (hai mươi triệu, bốn trăm năm bốn nghìn) đồng thu lợi bất hợp pháp (trên 20%) mà L đã thu được từ việc cho các trường hợp vay tiền với mức lãi suất trên 20%/năm nhưng không gấp trên 5 lần lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS.

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước đối với số tiền 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng của bị cáo Phan Thị Khánh L tại Ngân hàng Teckcombank tài khoản mang tên Võ Thị Hoài Thương và số tiền 2.856.448 (hai triệu, tám trăm năm sáu nghìn, bốn trăm bốn tám) đồng có trong tài khoản số 0651000438243 ngân hàng Vietcombank của Phan Thị Khánh L.

- Tiếp tục tạm giữ 50% của số tiền 182.000.000 (một trăm tám mươi hai triệu) đồng phần của bị cáo L hiện có trong tài khoản 1015432373 ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Phan Anh Tài để đảm bảo thi hành án.

4. *Về Án phí:* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Phan Thị Khánh L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND TP. Tam Kỳ;
- VKDND tỉnh Quảng Nam;
- Công an TP. Tam Kỳ;
- Chi cục THADS TP. Tam Kỳ;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Khôi